

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 214/2023/DS-PT

Ngày: 21 – 06 – 2023.

V/v: “tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **THành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: ông Phạm Văn Diệp; ông Hồ Văn Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Đặng Minh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLPT-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2023, về “*Tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** ông Phạm Thái H, sinh năm 1967, địa chỉ: Số X, Trưng Nữ Vương, Tổ 16, ấp BH, xã TB, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. **Bị đơn:** bà Nguyễn Thị L (C), sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 16, ấp BH, xã TB, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: anh Võ Minh HX, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà Y, Tổ 16, ấp BH, xã TB, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2015); có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà Nguyễn Thị LX, sinh năm 1972; địa chỉ: Số X, Trưng Nữ Vương, Tổ 16, ấp BH, xã TB, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Người kháng cáo:** bà Nguyễn Thị L - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2015 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Thái H trình bày:

Trong các năm 2008 và 2010, cụ Phạm Thị M là mẹ của bà Nguyễn Thị L (C) chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Thái H, bà Nguyễn Thị LX 02 phần đất như sau:

- Phần đất có diện tích 770 m² thuộc thửa đất số 386, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: GCNQSDĐ) số AL978907; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/02/2008 cho ông H và bà LX đứng tên.

- Phần đất có diện tích 978,7 m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 19, tại ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo GCNQSDĐ số BA 076465; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/3/2010 cho ông H và bà LX đứng tên.

Khi chuyển nhượng đất, hai bên có lập 03 giấy viết tay ghi ngày 09/01/2008, 06/02/2010 và 23/02/2010. Tại các văn bản này, cụ M thỏa thuận dành cho ông H một phần đất có chiều ngang là 03 m, từ đường đi công cộng xuyên qua đất của cụ M để đi vào phần đất chuyển nhượng cho ông H.

Vào tháng 3/2008, cụ M phân chia đất cho những người con trong đó có bà Nguyễn Thị L được phân chia diện tích 462,4 m² tại thửa đất số 410, tờ bản đồ số 19 bà L được cấp GCNQSDĐ số H03080 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11/6/2008. Trong diện tích đất cụ M phân chia cho bà L có phần diện tích dùng làm đường đi mà cụ M thỏa thuận với ông H.

Trong quá trình ông H sử dụng đất của mình, bà L không cho ông H sử dụng phần đất làm lối đi chung nói trên.

Ông H khởi kiện yêu cầu bà L phải trả lại một phần đất diện tích 175,4 m² để sử dụng làm lối đi chung cho cả hai gia đình (ông H và bà L) như thỏa thuận giữa ông và bà M trước đây.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là con ruột của cụ M và là mẹ ruột của anh Võ Minh HX. Về nguồn gốc đất trong GCNQSDĐ là do cụ M tặng cho bà, mấy năm sau cụ M chuyển nhượng một phần đất cho ông Phạm Thái H, diện tích bao nhiêu bà không biết. Bà không ký tên, kể cả hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa cụ M và ông H. Bà xác định không phải chữ ký của bà trong giấy sang đất ngày 09/01/2008 và ngày 06/02/2010 do ông H cung cấp. Bà xác định việc cha mẹ của bà sang nhượng đất cho vợ chồng ông H và bà LX bà không biết do thời điểm này bà đi làm ở xa và không được cha mẹ thông báo.

Ngoài đất này ra, bà LX, ông H còn một phần đất thuộc thửa 293 giáp đường, hiện tại bà LX và ông H đã chuyển nhượng cho người khác, nhưng chuyển nhượng vào năm nào diện tích bao nhiêu bà không nắm rõ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L là anh Võ Minh HX trình bày:

Ông Phạm Thái H khởi kiện yêu cầu mở lối đi chung với mẹ anh là bà Nguyễn Thị L, thì anh và bà L không đồng ý. Vì đất này là của bà ngoại anh tên Phạm Thị M tặng cho bà L và bà L đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số H03080 với diện tích 462,4 m² tại ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đất được UBND huyện Châu Thành cấp cho bà L với hình thức là sử dụng riêng, không có diện tích sử dụng chung, không phải là lối đi. Hiện tại anh và bà L đang sống chung nhà. Nhà nước cấp cho gia đình anh bao nhiêu diện tích đất thì gia đình anh sử dụng bấy nhiêu. Cấp cho ông H bao nhiêu thì ông H sử dụng bấy nhiêu.

Ngoài phần đất ông H nhận chuyển nhượng của cụ M ở phía sau phần đất tranh chấp, thì ông H còn có phần đất gần đó giáp với đường nhựa có diện tích 15 m ngang đi vào phần đất phía sau của ông H. Hiện tại anh có nghe nói vợ chồng ông H, bà LX đã chuyển nhượng 10 m đất ngang, còn lại 05 m ngang nhưng ông H không chịu mở đường đi. Nên anh và bà L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đối với các chứng cứ ông H cung cấp, anh xác định bà L không ký tên trong giấy bán đất. Băng ghi âm mà ông H cung cấp anh không nghe, không cần biết nội dung, không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu giám định.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thái H. Buộc bà L có nghĩa vụ tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản trên đất gồm: Một mái che, kèo cột gỗ tạp, lợp thiếc, nền xi măng diện tích (6 m x 3 m) = 18 m²; 01 nhà vệ sinh tạm vách ván, cốt bê diện tích 1,44 m².

** Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 196/2017/DS-PT ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:* không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn bà Nguyễn Thị L (Của), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 21-9-2018, vụ việc đã được cơ quan thi hành án cưỡng chế tháo dỡ xong nhà vệ sinh, cây lâu năm trên đất. Nay bà L M rào tạm 02 đoạn lưới B 40 ngang đất để nuôi gà.

** Tại Quyết định giám đốc thẩm số 75/2021/DS-GĐT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:*

Hủy Bản án dân sự sơ, phúc thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Lý do: Toà án không giám định chữ ký của bà M trong giấy tay chuyển nhượng giữa bà M với anh H, chị LX. Mặc dù thửa 386 không có lối đi nhưng thửa đất này giáp thửa 293 của vợ ông H mà thửa 293 lại giáp lối đi ra đường công cộng.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 275, 688 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 245, 246, 247, 254, 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 105 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông Phạm Thái H và bà Nguyễn Thị LX được quyền sử dụng chung diện tích đất với bà Nguyễn Thị L là 175,4 m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để sử dụng làm lối đi chung. Phần đất có tứ cận: Đông giáp đất anh Hồng dài 5,74 m; Tây giáp đường đất dài 03 m; Nam giáp đất anh Chung 40,36 m, giáp đất ông H 19,61 m; Bắc giáp đất bà L dài 54,87 m, đất thuộc thửa 410, tờ bản đồ 19 trong giấy chứng nhận QSDĐ số H03080 cấp ngày 11/6/2008 do bà Nguyễn Thị L (Của) đứng tên.

- Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ 02 đoạn hàng rào lưới B40 tạm trên đất để làm lối đi chung giữa hai bên.

- Ông Phạm Thái H có nghĩa vụ chặt bỏ 01 cây tràm đường kính 10-30 cm tự mọc lại trên gốc tràm cũ đã chặt bỏ trước đó để làm lối đi chung giữa hai bên.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 24/3/2023, bà L (bị đơn) kháng cáo yêu cầu: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do không thừa nhận chữ ký trong giấy tay mua đất giữa bà M, bà L với bà LX, ông H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông H và bà LX khởi kiện bà L yêu cầu mở lại lối đi qua đất bà L như thoả thuận giữa ông và cụ M (mẹ bà L) năm 2008. Bà L không đồng ý.

[3] Xét kháng cáo của bà L thấy rằng:

[3.1] Phân đất các đương sự tranh chấp qua xem xét thẩm định thực tế thể hiện tứ cận: Đông giáp đất anh Hồng dài 5,74 m; Tây giáp đường đất dài 03 m; Nam giáp đất anh Chung dài 40,36 m và giáp đất ông H dài 19,61 m; Bắc giáp đất bà L dài 54,87 m thuộc một phần thửa 410, tờ bản đồ 19 trong GCNQSDĐ do bà L đứng tên. Tài sản trên đất gồm 02 đoạn hàng rào lưới B40 tạm, 01 cây tràm đường kính 10-30 cm tự mọc lại trên gốc tràm cũ đã chặt bỏ trước đó. Ngoài ra không còn tài sản gì khác.

[3.2] Về chứng cứ xác định nguồn gốc lối đi tranh chấp:

Ngày 09/01/2008, ông H và bà LX nhận chuyển nhượng từ bà M (mẹ bà L) phần đất thuộc thửa 386 do cụ M đứng tên GCNQSDĐ, do hiện trạng đất này không có lối đi nên khi chuyển nhượng cụ M và ông H có thoả thuận với nhau (bút lục 76) thể hiện "...Cụ M cùng các con, các cháu thống nhất để một con đường đi của ấp chạy dài theo nhà ở xuống tới đất ... để làm đường đi chung cho gia đình và mảnh đất anh H mua. Cụ M cam đoan không có ai được quyền sử dụng riêng hoặc tranh chấp diện tích đất con đường nói trên. Chiều dài của con đường là rộng 03 m". Năm 2010, ông H nhận chuyển nhượng của cụ M thửa đất số 173 (bút lục 79) thể hiện: "... Đường đi chừa rộng 03 m dài từ đường đi xuống tới mảnh đất nói trên...". Ông H sử dụng lối đi này để vào thửa 386 đến năm 2015 thì bà L dựng lán (nhà tạm), xây dựng nhà vệ sinh trên lối đi này nên hai bên xảy ra tranh chấp. Sự việc được Toà án hai cấp giải quyết buộc bà L phải tháo dỡ tài sản trên đất trả lại lối đi để ông H được sử dụng chung như thoả thuận giữa ông H và cụ M trước đây. Cơ quan Thi hành án đã thi hành bản án phúc thẩm cưỡng chế tháo dỡ tài sản trên đất xong. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 75/2021/DS-GĐT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Huỷ bản án sơ, phúc thẩm do thu thập và đánh giá chứng cứ chưa đúng.

Sau khi thụ lý lại, tiến hành giám định: Kết luận giám định số 4297/KL-KTHS ngày 15/8/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 326) kết luận: "Chữ ký đứng tên Phạm Thị M trên các tài liệu ký hiệu A1, A3 so với chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Phạm Thị M trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký ra. Kết quả xác minh thửa 293 bà LX đã bán cho bà Thảo và bà Bé hết đất.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận diện tích đất các đương sự tranh chấp mặc dù nằm trong GCNQSDĐ của bà L (được cụ M tặng cho tháng 6/2008) nhưng đất này trước khi tặng cho bà L, cụ M đã thoả thuận với ông H là dành cho ông

H chiều ngang 03 m từ đường đi của ấp dài tới mảnh đất anh H nhận chuyển nhượng và không có thỏa thuận đền bù, để hộ cụ M và hộ ông H đi chung và theo quy định tại Điều 247 của Bộ luật dân sự; về hiệu lực của quyền đối với bất động sản liên kề: *“Quyền đối với bất động sản liên kề có hiệu lực đối với mọi cá nhân, pháp nhân và được chuyển giao khi bất động sản được chuyển giao...”*. Do cụ M đã thỏa thuận chừa đường đi cho ông H, bà LX, quyền sử dụng đất cụ M đã chuyển giao cho bà L thông qua hợp đồng tặng cho, nên quyền về lối đi qua từ cụ M đã được chuyển giao cho bà L, do đó bà L phải có nghĩa vụ tôn trọng thỏa thuận này.

Theo lời trình bày của anh Hoa thì ngoài lối đi này ra, ông H còn lối đi khác do thửa 386 giáp với thửa 293 của bà LX (vợ ông H) mà thửa 293 lại giáp lối đi khác. Qua xác minh cho thấy đất này bà LX đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Phạm Văn Thảo và chị Trần Thị Huyền Trang vào năm 2017 với diện tích 399 m² (được tách thành thửa đất 809, tờ bản đồ 36). Diện tích đất 199 m² còn lại thì ông H, bà LX cũng đã chuyển nhượng cho chị Phạm Thị Bé vào năm 2018. Những người nhận chuyển nhượng cũng đã được cấp GCNQSDĐ nên thửa 386 của ông H hiện không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải mở lại lối đi là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự và các Điều 106, 171 của Luật Đất đai. Do đó, kháng cáo của bà L không được Hội đồng xét xử chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa; xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Số tiền 6.819.638 đồng (bao gồm: 4.119.638 đồng của vụ án thụ lý năm 2015 và 2.700.000 đồng của vụ án thụ lý năm 2021). Do yêu cầu của ông H được Tòa án chấp nhận, nên bà L có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí trên. Ông H đã nộp tạm ứng thanh toán xong nên bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông H số tiền 6.819.638 đồng (viết tròn số là 6.819.000 đồng).

[7] Về chi phí giám định: Số tiền 2.000.000 đồng. Do yêu cầu giám định của ông H là có cơ sở nên bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Ông H đã nộp tạm ứng thanh toán xong nên bà L có nghĩa vụ giao lại cho ông H số tiền 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 27/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 273, 274, 275 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 246, 247, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thái H về “Tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề” đối với bà Nguyễn Thị L (C).

1.1. Ông Phạm Thái H và bà Nguyễn Thị LX được quyền sử dụng chung với bà Nguyễn Thị L diện tích đất 175,4 m² (loại đất trồng cây lâu năm) để sử dụng làm lối đi chung, trong thửa số 410, tờ bản đồ số 19 do bà Nguyễn Thị L (C) đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03080 cấp ngày 11/6/2008, đất tọa lạc tại ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Tứ cận: Đông giáp đất anh Hồng dài 5,74 m; Tây giáp đường đất dài 03 m; Nam giáp đất anh Chung 40,36 m, giáp đất ông H 19,61 m; Bắc giáp đất bà L dài 54,87 m.

(Kèm sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 13/01/2017 của Công ty TNHH Do đạc Bản đồ Nguyễn Phương).

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ 02 đoạn hàng rào lưới B40 và toàn bộ tài sản trên đất (nếu có) trong phạm vi đất làm lối đi chung giữa hộ gia đình bà L và gia đình ông H như mục 1.1.

2. Ông Phạm Thái H có nghĩa vụ chặt bỏ 01 cây tràm đường kính 10-30 cm tự mọc lại trên gốc tràm cũ đã chặt bỏ trước đó để làm lối đi chung giữa hai bên.

3. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh điều chỉnh diện tích 175,4 m² trong thửa 410, tờ bản đồ 19 đất sử dụng riêng của bà L thành diện tích sử dụng chung giữa hộ ông H và hộ bà L theo quyết định của bản án này.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Thái H số tiền 6.819.000 (sáu triệu tám trăm mười chín nghìn) đồng.

5. Về chi phí giám định: bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Thái H số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, **Điều 468** Bộ luật Dân sự năm 2015.*

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L được miễn.

- Hoàn trả cho ông Phạm Thái H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0009121 ngày 09-10-2015 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Châu Thành.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị L được miễn. Hoàn trả cho bà L số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0017964 ngày 19-6-2017 và Biên lai thu số 0018325 ngày 24-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm